TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGHĨA HÀNH** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/HNGĐ-ST
Ngày 18- 4 - 2019
"V*/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HÀNH, TỈNH QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hải Nam
Các Hội thẩm nhân dân: + Bà Lê Thị Thanh Chín;
+ Ông Lê Tấn Hùng

Thư ký tòa án: Ông Trần Tiến Dũng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thương Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 07 /2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2019, về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXX HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị T, sinh năm: 1988 (có mặt)
Địa chỉ: Thôn Q, xã E, huyện R, tỉnh Quảng Nam..
- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Ngọc T1, sinh năm: 1983; (Anh T1 đề nghị được vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn U, xã A, huyện H, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN

***** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn yêu cầu không hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị T, trình bày: Chị T và anh Nguyễn Ngọc T1 đăng ký kết hôn tháng 3 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện R, tỉnh Quảng Nam trên cơ sở tự nguyện, tìm hiểu yêu thương. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống một thời gian tại Thành phố D thì tình cảm vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là anh T1 không chăm lo gia đình, mặc dù chị T đang mang thai nhưng anh T1 thường xuyên đánh đập chị. Do bị đánh nhiều lần nên chị T về quê cha mẹ sống từ cuối tháng

4/2014 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị T xin được ly hôn anh T1.

+ Về con chung: Vợ chồng anh, chị có với nhau 01 con chung, tên Nguyễn Hoàng Đ, sinh ngày 19/5/2015 hiện tại đang sống với chị T tại xã E, huyện R, tỉnh Quảng Nam; khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đ; không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản và nợ chung: Không có.

* Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 13/02/2019, anh Nguyễn Ngọc T1, trình bày: Anh và chị T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện R, tỉnh Quảng Nam. Kể từ tháng 4/2014, anh T1 và chị T không chung sống với nhau, anh sống tại Thành phố D, còn chị T sống tại huyện R, tỉnh Quảng Nam, hai bên ít quan tâm chăm sóc lẫn nhau nên tình cảm vợ chồng đã không còn từ năm 2015.

Nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh T1 đồng ý ly hôn.

+ Về con chung: Vợ chồng anh, chị có với nhau 01 con chung, tên Nguyễn Hoàng Đ, sinh ngày 19/5/2015 hiện tại đang sống với chị T tại xã E, huyện R, tỉnh Quảng Nam.

+ Về tài sản và nợ chung: Không có.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật: Tòa án thụ lý vụ án đúng quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử đảm bảo quyền cho các đương sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 21; khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị T. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị T với anh Nguyễn Ngọc T1. Giao cháu Nguyễn Hoàng Đ, sinh ngày 19/5/2015 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T1 không trợ cấp nuôi con.

Anh T1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Chị Phạm Thị T phải chịu án phí DSST theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1]. Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện H thụ lý, giải quyết yêu cầu Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm c Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Anh Nguyễn Ngọc T1 có yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự tiếp tục xét xử vụ án.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T1 tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện R, tỉnh Quảng Nam vào ngày 19/3/2014, được Ủy ban nhân dân xã cấp giấy chứng nhận kết hôn do vậy hôn nhân giữa chị T và anh T1 là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại thành phố D, trong thời gian sinh sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, tháng 4 năm 2015 chị T về quê ở tỉnh Quảng Nam để sinh con, sau khi sinh con xong chị T không quay trở vào thành phố D sinh sống với anh T1 nữa từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng từ đó đến nay, chị T và anh T1 đã sống ly thân, phần ai nấy sống, không quan tâm đến nhau.

Chị T yêu cầu ly hôn anh T1 anh T1 thống nhất ly hôn nên Hội đồng xét xử ghi nhận chị T và anh T1 thuận tình ly hôn. Theo qui định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Chị T anh T1 có con chung là cháu Nguyễn Hoàng Đ, sinh ngày 19/5/2015 hiện nay đang sống cùng chị T. Chị T có yêu cầu nuôi con không yêu cầu anh T1 trợ cấp nuôi con. Hội đồng xét xử thấy hiện nay cháu Đ đang sống cùng với chị T tại xã E, huyện R từ năm 2015 đến nay nên cần tiếp tục giao cháu Đ cho chị T nuôi dưỡng giáo dục để đảm bảo về tình cảm, tinh thần cho cháu. Tạm thời anh T1 không phải trợ cấp nuôi con.

Anh T1 được quyền đến thăm chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản. Theo qui định tại Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là phù hợp với tài liệu chứng cứ cũng như phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chịu án phí dân sự ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm c Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng: Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Ngọc T1 thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Hoàng Đ, sinh ngày 19/5/2015 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Ngọc T1 tạm thời chưa cấp dưỡng nuôi con.

Anh T1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự về việc ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí số 0004313 ngày 13 tháng 02 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

Nguyên đơn, có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc bản án được niêm yết tại nhà, UBND xã nơi cư trú và tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H tỉnh Quảng Ngãi.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Quảng Ngãi;*
- *VKSND huyện H;*
- *Chi cục THADS huyện H;*
- *UBND xã E;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS, VT.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Phạm Hải Nam